

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
TỈNH SÓC TRĂNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 111/2022/DS-PT  
Ngày 01-8-2022  
V/v tranh chấp hợp đồng tín dụng

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH SÓC TRĂNG**

**- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Nguyễn Hoàng Lâm;

*Các Thẩm phán:* Ông Nguyễn Vĩnh Khương;  
Ông Hồ Văn Phụng.

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Lê Thị Nghi, Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Sóc Trăng tham gia phiên tòa:**  
Bà Huỳnh Thị Mỹ Liên, Kiểm sát viên.

Trong các ngày 27 tháng 7 và 01 tháng 8 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng, xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 80/2022/TLPT-DS ngày 09 tháng 6 năm 2022, về tranh chấp hợp đồng tín dụng.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 31/2022/DS-ST ngày 27 tháng 4 năm 2022 của Tòa án nhân dân thị xã Ngã Năm, tỉnh Sóc Trăng bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 85/2022/QĐ-PT ngày 21 tháng 6 năm 2022, giữa các đương sự:

**- Nguyên đơn:** Ngân hàng Thương mại cổ phần S;

Địa chỉ trụ sở chính: Số 266-268, đường N, Quận X, Thành phố Hồ Chí Minh.

*Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn:* Ông Lê Hoàng P; Chức vụ: Trưởng phòng kiểm soát rủi ro Ngân hàng Thương mại cổ phần S - Chi nhánh tỉnh Sóc Trăng; địa chỉ làm việc: Số 30, đường T, Phường 2, thành phố S, tỉnh Sóc Trăng; là người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn (Theo Giấy ủy quyền số 599/2022/GUQ-CNST ngày 12-7-2022). (có mặt)

**- Bị đơn:**

1. Ông Trần Văn D; (vắng mặt)

2. Bà Lê Thị C; (có mặt)

Cùng địa chỉ cư trú: Ấp T, xã T, thị xã N, tỉnh Sóc Trăng.

**- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:**

1. Ông Lý Văn S; (có mặt)
2. Bà Mã Thị M; (có mặt)
3. Ông Lý Sơn T; (có mặt)
4. Bà Trần Thị Đ; (có mặt)

Cùng địa chỉ cư trú: Ấp T, xã T, thị xã N, tỉnh Sóc Trăng.

- *Người kháng cáo:* Bà Mã Thị M, ông Lý Văn S, ông Lý Sơn T và bà Trần Thị Đ - Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan.

### **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Theo đơn khởi kiện ngày 28-5-2021 của nguyên đơn Ngân hàng Thương mại cổ phần S và trong quá trình giải quyết vụ án, người đại diện hợp pháp của nguyên đơn trình bày:*

Vào ngày 21-8-2018, Ngân hàng Thương mại cổ phần S - Phòng giao dịch N, tỉnh Sóc Trăng (gọi tắt là Ngân hàng) với ông Trần Văn D và bà Lê Thị C có ký kết với nhau Hợp đồng tín dụng số LD1822500664, sau đó có thỏa thuận sửa đổi, bổ sung Hợp đồng tín dụng vào ngày 12-9-2018 và ngày 31-8-2020. Theo Hợp đồng, Ngân hàng cho ông D và bà C vay số tiền 480.000.000 đồng; mục đích vay để bổ sung vốn sản xuất nông nghiệp; lãi suất cho vay được xác định cho từng lần giải ngân theo thỏa thuận của các bên, phù hợp với quy định của pháp luật và được ghi cụ thể trên từng giấy nhận nợ; thời hạn vay 12 tháng.

Để đảm bảo khoản vay, ông D và bà C có thể chấp cho Ngân hàng Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CN 495068, diện tích 15.865,4 m<sup>2</sup>, loại đất chuyên trồng lúa nước, tại thửa số 4, tờ bản đồ số 12, tọa lạc tại ấp P, xã M, huyện M, tỉnh Sóc Trăng do Sở Tài Nguyên và Môi trường tỉnh Sóc Trăng cấp vào ngày 11-9-2018 cho ông Trần Văn D và bà Lê Thị C, theo Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất số LD1822500664.3 ngày 13-9-2018.

Trong quá trình thực hiện hợp đồng, đến ngày 28-5-2021, ông D và bà C đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán theo như thỏa thuận. Tính đến ngày 27-4-2022, tổng số tiền nợ là 573.821.956 đồng, trong đó vốn gốc là 470.000.000 đồng, tiền lãi trong hạn là 50.105.417 đồng và tiền lãi quá hạn là 53.716.539 đồng.

Nay Ngân hàng yêu cầu ông D và bà C trả số tiền còn nợ tính đến ngày 27-4-2022 tổng cộng là 573.821.956 đồng, trong đó nợ gốc là 470.000.000 đồng, lãi trong hạn là 50.105.417 đồng, lãi quá hạn là 53.716.539 đồng và yêu cầu tính lãi phát sinh theo hợp đồng thỏa thuận từ ngày 28-4-2022 cho đến khi ông D, bà C trả hết nợ vay. Trường hợp ông D, bà C không trả nợ cho Ngân hàng thì yêu cầu xử lý, kê biên, phát mãi tài sản thế chấp nêu trên để thu hồi nợ.

*Tại biên bản lấy lời khai ngày 27-12-2021 và trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn ông Trần Văn D trình bày:*

Ông thừa nhận có vay và hiện còn nợ số tiền như Ngân hàng đã trình bày. Khi vay tiền, vợ chồng ông có thể chấp quyền sử dụng đất diện tích 15.865,4 m<sup>2</sup>, loại đất chuyên trồng lúa nước, tại thửa số 4, tờ bản đồ số 12, tọa lạc tại ấp P, xã M, huyện M, tỉnh Sóc Trăng. Đối với phần đất thế chấp thì vào năm 2018, ông đã chuyển nhượng cho bà Mã Thị M và ông Lý Văn S diện tích 6.500 m<sup>2</sup> với giá là 340.000.000 đồng. Đến năm 2019, ông có luôn phần diện tích còn lại cho bà M và ông S với giá là 140.000.000 đồng. Khi thỏa thuận chuyển nhượng và có có làm giấy tay. Nay ông đồng ý trả cho Ngân hàng số tiền như Ngân hàng yêu cầu, nhưng hiện do hoàn cảnh khó khăn không có khả năng trả nên xin trả dần. Trường hợp bà M chuyển nhượng hết phần diện tích còn lại thì ông sẽ trả Ngân hàng còn bao nhiêu xin trả dần.

*Tại bản tường trình ngày 31-12-2021 và trong quá trình giải quyết vụ án, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Mã Thị M và ông Lý Văn S đều trình bày:*

Vào năm 2018, vợ chồng ông Trần Văn D và bà Lê Thị C có chuyển nhượng cho vợ chồng bà diện tích là 6.500 m<sup>2</sup> với giá là 340.000.000 đồng, phía ông D và bà C thỏa thuận tới vụ Đông Xuân đem bằng khoán đang thế chấp vay Ngân hàng ở Bạc Liêu để cho bà chuyển tên quyền sử dụng đất. Đến hẹn nhưng ông D không thực hiện, bà có yêu cầu nhiều lần nhưng ông D vẫn không thực hiện. Sau đó, có lần ông D và địa chính xuống đo đạc bà có hỏi nhưng phía ông D và địa chính cho rằng là đổi bằng khoán. Đến khi Ngân hàng khởi kiện thì bà mới hay là ông D đem bằng khoán đi thế chấp cho Ngân hàng để vay tiền.

Nay đối với việc Ngân hàng yêu cầu phát mãi tài sản thì bà không có ý kiến gì nhưng bà yêu cầu ông D và C phải trả cho bà số tiền chuyển nhượng là 340.000.000 đồng, tiền công ủ đất là 30.000.000 đồng thì bà mới đồng ý cho phát mãi tài sản. Bà chỉ yêu cầu như vậy nhưng không làm đơn yêu cầu độc lập. Đối với phần đất cổ thì vợ chồng bà chỉ đứng ra thỏa thuận với vợ chồng ông D nhưng thực tế thì số tiền cổ đất 140.000.000 đồng là của vợ chồng con bà tên Lý Sơn T và Trần Thị Đ. Hiện phần đất cổ cũng do Đ và T canh tác.

*Tại bản tường trình ngày 31-12-2021 và trong quá trình giải quyết vụ án, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Trần Thị Đ và ông Lý Sơn T đều trình bày:*

Vào năm 2019, ông D có thỏa thuận cổ đất cho cha mẹ chồng bà là bà Mã Thị M và ông Lý Văn S với diện tích là 06 công tâm cây, giá là 140.000.000 đồng. Thực tế, cha mẹ chồng chỉ đứng ra thỏa thuận và làm giấy còn tiền cổ là của vợ chồng bà và hiện phần đất cổ cũng do vợ chồng bà canh tác. Đối với việc Ngân hàng yêu cầu phát mãi bà cũng không ý kiến gì nhưng yêu cầu phía ông D trả vợ chồng bà số tiền là 140.000.000 đồng thì mới đồng ý cho phát mãi tài sản, bà cũng trình bày ý kiến mà không có làm đơn yêu cầu độc lập.

*Đối với bị đơn bà Lê Thị C:* Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án nhân dân thị xã Ngã Năm đã tổng đạt hợp lệ thông báo về việc thụ lý vụ án cho bà nhưng bà không

nộp cho Tòa án văn bản ghi ý kiến của mình đối với yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng. Tòa án cũng đã thông báo và triệu tập hợp lệ bà tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải; phiên tòa sơ thẩm nhưng bà đều vắng mặt không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan.

Tại Bản án số 31/2022/DS-ST ngày 27-4-2022, Tòa án nhân dân thị xã Ngã Năm, tỉnh Sóc Trăng đã quyết định: Căn cứ khoản 3 Điều 26, khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 157, khoản 3 Điều 228, Điều 271 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 299, khoản 1 và khoản 5 Điều 466 và Điều 503 Bộ luật Dân sự năm 2015; khoản 1 Điều 167 Luật đất đai; khoản 2 Điều 91 Luật Các tổ chức tín dụng năm 2010; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án. Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng Thương mại cổ phần S. Buộc ông Trần Văn D và bà Lê Thị C có trách nhiệm thanh toán cho Ngân hàng Thương mại cổ phần S tổng số tiền 573.821.956 đồng, trong đó nợ gốc là 470.000.000 đồng, tiền lãi trong hạn là 50.105.417 đồng và tiền lãi quá hạn là 53.716.539 đồng. Kể từ ngày 28-4-2022 cho đến khi ông Trần Văn D và bà Lê Thị C thanh toán hết nợ cho Ngân hàng Thương mại cổ phần S, thì hàng tháng các bị đơn ông Trần Văn D và bà Lê Thị C còn phải chịu tiền lãi phát sinh trên số vốn gốc còn nợ theo mức lãi suất các bên đã thỏa thuận tại Hợp đồng tín dụng số LD1822500664 ngày 21-8-2018; thỏa thuận sửa đổi, bổ sung Hợp đồng tín dụng số 01 ngày 12-9-2018 và thỏa thuận sửa đổi, bổ sung Hợp đồng tín dụng số 02 ngày 31-8-2020. Trường hợp ông Trần Văn D và bà Lê Thị C không thanh toán hoặc thanh toán không hết nợ, Ngân hàng Thương mại cổ phần S được quyền yêu cầu Chi cục Thi hành án dân sự có thẩm quyền xử lý tài sản tại Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số LD1822500664.3 ngày 13-9-2018, tài sản là toàn bộ quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với thửa đất số 4, diện tích 15.865,4 m<sup>2</sup>, tờ bản đồ số 12, tọa lạc tại ấp P, xã M, huyện M, tỉnh Sóc Trăng, theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CN 495068 do Sở Tài Nguyên và Môi trường tỉnh Sóc Trăng cấp vào ngày 11-9-2018 cho ông Trần Văn D và bà Lê Thị C. Trong trường hợp Ngân hàng yêu cầu Chi cục Thi hành án dân sự xử lý tài sản thế chấp thì ông Lý Văn S, bà Mã Thị M, ông Lý Sơn T và bà Trần Thị Đ có nghĩa vụ giao trả lại toàn bộ quyền sử dụng đất thuộc thửa số 4, diện tích 15.865,4 m<sup>2</sup>, tờ bản đồ số 12, tọa lạc tại ấp P, xã M, huyện M, tỉnh Sóc Trăng, theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CN 495068 do Sở Tài Nguyên và Môi trường tỉnh Sóc Trăng cấp vào ngày 11-9-2018 cho ông Trần Văn D và bà Lê Thị C.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn quyết định về chi phí xem xét thẩm định tại chỗ, án phí và quyền kháng cáo của các đương sự.

Sau khi xét xử sơ thẩm:

Đến ngày 10-5-2022, ông S và bà M có đơn kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm, yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm giải quyết theo hướng buộc ông D và bà C

làm thủ tục chuyển tên cho ông bà phần đất có diện tích 6.500m<sup>2</sup>, thuộc thửa số 4, tờ bản đồ số 12, tọa lạc tại ấp P, xã M, huyện M, tỉnh Sóc Trăng. Trường hợp ông D và bà C không thực hiện thì phải trả cho ông bà số tiền chuyển nhượng 340.000.000 đồng và tiền công ủi đất là 30.000.000 đồng.

Cùng ngày 10-5-2022, ông T và bà Đ cũng có đơn kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm, yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm giải quyết theo hướng buộc ông D và bà C có nghĩa vụ liên đới trả cho ông bà số tiền cổ đất 140.000.000 đồng.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn không rút lại đơn khởi kiện; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông S - bà M, ông T - bà Đ không rút kháng cáo. Các đương sự cũng không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án.

Kiểm sát viên phát biểu ý kiến của Viện kiểm sát về việc tuân theo pháp luật của những người tiến hành tố tụng, những người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án ở giai đoạn phúc thẩm. Đối với yêu cầu kháng cáo của ông S - bà M, ông T - bà Đ là không có căn cứ nên đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận và áp dụng khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Đối với việc vắng mặt của bị đơn ông Trần Văn D: Ông D không có kháng cáo và đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt. Do đó, căn cứ khoản 3 Điều 296 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án.

[2] Về tính hợp pháp của đơn kháng cáo: Đơn kháng cáo của ông S - bà M, ông T - bà Đ đảm bảo về mặt hình thức và nội dung, đúng người có quyền kháng cáo, còn trong thời hạn kháng cáo theo quy định tại các Điều 271, Điều 272 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 nên đủ điều kiện để xét xử theo trình tự phúc thẩm.

[3] Xét kháng cáo của ông S - bà M và ông T - bà Đ, Hội đồng xét xử phúc thẩm nhận thấy:

[4] Theo Hợp đồng tín dụng số LD1822500664 ngày 21-8-2018, Thỏa thuận sửa đổi, bổ sung hợp đồng tín dụng số 01 ngày 12-9-2018, Thỏa thuận sửa đổi, bổ sung hợp đồng tín dụng số 02 ngày 31-8-2020, Giấy nhận nợ số LD2024400125 ngày 31-8-2020 thì ông Trần Văn D và bà Lê Thị C có vay của Ngân hàng Thương mại cổ phần S tại Phòng giao dịch N thuộc Chi nhánh tỉnh Sóc Trăng (gọi tắt là Ngân hàng) số tiền 480.000.000 đồng; mục đích vay là bổ sung vốn sản xuất nông nghiệp; lãi suất vay được xác định cho từng lần giải

ngân theo thỏa thuận của các bên, phù hợp với quy định của pháp luật và được ghi cụ thể trên từng giấy nhận nợ; thời hạn vay là 12 tháng đến ngày 31-8-2021. Để bảo đảm cho nghĩa vụ trả nợ, ông D và bà C đã ký Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất số LD1822500664.3 ngày 13-9-2018 với Ngân hàng, thế chấp thửa đất số 4, tờ bản đồ số 12, diện tích là 15.865,4m<sup>2</sup>, loại đất chuyên trồng lúa nước, tọa lại tại ấp P, xã M, huyện M, tỉnh Sóc Trăng, được Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Sóc Trăng cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CN 495068 ngày 11-9-2018 cho ông D và bà C. Hợp đồng tín dụng và Hợp đồng thế chấp nêu trên đều đảm bảo đúng theo quy định của pháp luật.

[5] Sau khi vay, ông D và bà C đã vi phạm hợp đồng, không thực hiện nghĩa vụ thanh toán nợ như đã thỏa thuận. Ngân hàng khởi kiện yêu cầu ông D và bà C trả nợ tạm tính đến ngày 27-4-2022 bao gồm vốn gốc 470.000.000 đồng, tiền lãi trong hạn 50.105.417 đồng, tiền lãi quá hạn 53.716.539 đồng và tiền lãi phát sinh từ ngày 28-4-2022 cho đến khi ông D và bà C hoàn thành nghĩa vụ trả nợ. Trường hợp ông D và bà C không trả nợ đầy đủ cho Ngân hàng thì yêu cầu xử lý, kê biên, phát mãi tài sản thế chấp để thu hồi nợ. Do đó, Cấp sơ thẩm chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng là có căn cứ.

[6] Trong quá trình giải quyết vụ án, cấp sơ thẩm đã tiến hành xem xét thẩm định tại chỗ thửa đất số 4 mà ông D và bà C đã thế chấp cho Ngân hàng và xác định được vào ngày 08-4-2018, ông D và bà C đã chuyển nhượng cho ông Lý Văn S và bà Mã Thị M 01 phần diện tích 6.500m<sup>2</sup> với giá 340.000.000 đồng, hai bên chỉ viết giấy tay, không có công chứng, chứng thực; phần còn lại đến ngày 22-10-2019, ông D, bà C tiếp tục cầm cố cho ông S, bà M với giá 140.000.000 đồng và hai bên cũng lập giấy tay; đối với phần đất cố, ông S và bà M cho rằng tiền cố đất là của vợ chồng con ông bà tên là Lý Sơn T và Trần Thị Đ; toàn bộ diện tích thửa đất này do vợ chồng ông S - bà M và ông T - bà Đ đang quản lý, canh tác. Đồng thời, cấp sơ thẩm đã đưa ông S, bà M, ông T và bà Đ tham gia tố tụng trong vụ án với tư cách người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, nhưng các ông, bà không có đơn yêu cầu độc lập để yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết hợp đồng chuyển nhượng, cầm cố quyền sử dụng đất giữa các ông, bà với vợ chồng ông D, bà C, từ đó cấp sơ thẩm không xem xét và dành quyền khởi kiện cho các ông, bà là phù hợp với quy định tại Điều 5 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Do đó, ông S, bà M kháng cáo yêu cầu cấp phúc thẩm giải quyết buộc ông D và bà C làm thủ tục chuyển tên cho ông, bà phần đất có diện tích 6.500m<sup>2</sup>, thuộc thửa số 4, tờ bản đồ số 12, tọa lạc tại ấp P, xã M, huyện M, tỉnh Sóc Trăng; trường hợp ông D và bà C không thực hiện thì phải trả cho ông, bà số tiền chuyển nhượng 340.000.000 đồng và tiền công ủi đất là 30.000.000 đồng; còn ông T và bà Đ kháng cáo yêu cầu cấp phúc thẩm giải quyết buộc ông D và bà C có nghĩa vụ liên đới trả cho ông bà số tiền cố đất 140.000.000 đồng là chưa phù hợp với nguyên tắc bảo đảm chế độ xét xử sơ thẩm, phúc thẩm nên Hội đồng xét xử phúc thẩm không có cơ sở để xem xét.

[7] Ngoài ra, trong phần quyết định của bản án sơ thẩm không tuyên trách nhiệm liên đới của vợ chồng ông D - bà C trong việc thanh toán nợ vay cho

Ngân hàng là chưa đúng quy định tại Điều 27, Điều 37 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 nên Hội đồng xét xử phúc thẩm bổ sung và rút kinh nghiệm chung đối với cấp sơ thẩm.

[8] Các phần khác trong quyết định của bản án dân sự sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị nên Hội đồng xét xử phúc thẩm không đặt ra xem xét.

[9] Từ những phân tích trên, Hội đồng xét xử phúc thẩm không chấp nhận toàn bộ kháng cáo của vợ chồng ông S - bà M, ông T - bà Đ, chấp nhận lời đề nghị của Kiểm sát viên và căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

[10] Về án phí dân sự phúc thẩm: Ông S, bà M, ông T, bà Đ là người kháng cáo không được chấp nhận và cũng không thuộc trường hợp được miễn hoặc không phải chịu án phí phúc thẩm nên theo quy định tại khoản 1 Điều 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án thì các ông, bà mỗi người phải chịu án phí dân sự phúc thẩm là 300.000 đồng và được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí phúc thẩm đã nộp.

Vì các lẽ trên;

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ khoản 1 Điều 308, khoản 6 Điều 313 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Điều 299, khoản 1 và khoản 5 Điều 466, Điều 503 Bộ luật Dân sự năm 2015; khoản 1 Điều 167 Luật đất đai năm 2013; khoản 2 Điều 91 Luật Các tổ chức tín dụng năm 2010; Điều 27, Điều 37 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; khoản 1 Điều 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Không chấp nhận toàn bộ kháng cáo của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Lý Văn S, bà Mã Thị M, ông Lý Sơn T, bà Trần Thị Đ.

Giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 31/2022/DS-ST ngày 27 tháng 4 năm 2022 của Tòa án nhân dân thị xã Ngã Năm, tỉnh Sóc Trăng.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu của Ngân hàng Thương mại cổ phần S. Buộc ông Trần Văn D và bà Lê Thị C có nghĩa vụ liên đới trả nợ cho Ngân hàng Thương mại cổ phần S, tính đến ngày xét xử sơ thẩm (ngày 27 tháng 4 năm 2022), bao gồm các khoản sau đây:

- Nợ gốc: 470.000.000 đồng (Bốn trăm bảy mươi triệu đồng);
- Tiền lãi trong hạn: 50.105.417 đồng (Năm mươi triệu một trăm lẻ năm nghìn bốn trăm mười bảy đồng);
- Tiền lãi quá hạn 53.716.539 đồng (Năm mươi ba triệu bảy trăm mười sáu nghìn năm trăm ba mươi chín đồng).

Tổng cộng là 573.821.956 đồng (Năm trăm bảy mươi ba triệu tám trăm hai mươi một nghìn chín trăm năm mươi sáu đồng).

2. Kể từ ngày tiếp theo của của ngày xét xử sơ thẩm (ngày 28 tháng 4 năm 2022), ông Trần Văn D và bà Lê Thị C còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi của số tiền nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong Hợp đồng tín dụng số LD1822500664 ngày 21 tháng 8 năm 2018; Thỏa thuận sửa đổi, bổ sung hợp đồng tín dụng số 01 ngày 12 tháng 9 năm 2018; Thỏa thuận sửa đổi, bổ sung hợp đồng tín dụng số 02 ngày 31 tháng 8 năm 2020 cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc. Trường hợp trong Hợp đồng tín dụng số LD1822500664 ngày 21 tháng 8 năm 2018; Thỏa thuận sửa đổi, bổ sung hợp đồng tín dụng số 01 ngày 12 tháng 9 năm 2018; Thỏa thuận sửa đổi, bổ sung hợp đồng tín dụng số 02 ngày 31 tháng 8 năm 2020, các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh mức lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng Thương mại cổ phần S, thì lãi suất mà ông Trần Văn D và bà Lê Thị C phải tiếp tục thanh toán theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng Thương mại cổ phần S.

3. Trường hợp ông Trần Văn D và bà Lê Thị C trả nợ không đầy đủ hoặc không có khả năng trả nợ thì Ngân hàng Thương mại cổ phần S có quyền yêu cầu cơ quan có thẩm quyền xử lý tài sản thế chấp là quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất, tại thửa đất số 4, tờ bản đồ số 12, diện tích là 15.865,4m<sup>2</sup>, loại đất chuyên trồng lúa nước, tọa lạc tại ấp P, xã M, huyện M, tỉnh Sóc Trăng, do ông Trần Văn D và bà Lê Thị C cùng đứng tên trong Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất số CN 495068, do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Sóc Trăng cấp ngày 11 tháng 9 năm 2018, theo Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất số LD1822500664.3 ngày 13 tháng 9 năm 2018.

Khi có yêu cầu, các ông bà Lý Văn S, Mã Thị M, Lý Sơn T và Trần Thị Đ phải có nghĩa vụ giao lại tài sản thế chấp là thửa đất số 4, tờ bản đồ số 12, diện tích là 15.865,4m<sup>2</sup>, loại đất chuyên trồng lúa nước, tọa lạc tại ấp P, xã M, huyện M, tỉnh Sóc Trăng cho Cơ quan có thẩm quyền xử lý theo quy định của pháp luật.

4. Về chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ: Ông Trần Văn D và bà Lê Thị C phải cùng liên đới chịu là 900.000 đồng (Chín trăm nghìn đồng). Ngân hàng Thương mại cổ phần S đã nộp tạm ứng trước 900.000 đồng (Chín trăm nghìn đồng) nên ông Trần Văn D và bà Lê Thị C phải hoàn trả lại cho Ngân hàng Thương mại cổ phần S là 900.000 đồng (Chín trăm nghìn đồng).

5. Về án phí dân sự sơ thẩm:

- Ngân hàng Thương mại cổ phần S không phải chịu và được hoàn lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp 11.400.000 đồng (Mười một triệu bốn trăm nghìn đồng), theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0002510 ngày 01 tháng 11 năm 2021 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã N, tỉnh Sóc Trăng.



- Ông Trần Văn D và bà Lê Thị C phải cùng liên đới chịu là 26.952.878 đồng (Hai mươi sáu triệu chín trăm năm mươi hai nghìn tám trăm bảy mươi tám đồng).

6. Về án phí dân sự phúc thẩm:

- Bà Mã Thị M phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng), được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng), theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0002615 ngày 10 tháng 5 năm 2022 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã N, tỉnh Sóc Trăng và như vậy, bà đã nộp đủ án phí phúc thẩm.

- Ông Lý Văn S phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng), được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng), theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0002616 ngày 10 tháng 5 năm 2022 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã N, tỉnh Sóc Trăng và như vậy, ông đã nộp đủ án phí phúc thẩm.

- Bà Trần Thị Đ phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng), được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng), theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0002617 ngày 10 tháng 5 năm 2022 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã N, tỉnh Sóc Trăng và như vậy, bà đã nộp đủ án phí phúc thẩm.

- Ông Lý Sơn T phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng), được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng), theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0002618 ngày 10 tháng 5 năm 2022 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã N, tỉnh Sóc Trăng và như vậy, ông đã nộp đủ án phí phúc thẩm.

7. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự được sửa đổi, bổ sung năm 2014 thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự được sửa đổi, bổ sung năm 2014; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự được sửa đổi, bổ sung năm 2014.

8. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

**Nơi nhận:**

- TAND TX. Ngã Năm;
- VKSND tỉnh Sóc Trăng;
- VKSND TX. Ngã Năm;
- Chi cục THADS TX. N;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Nguyễn Hoàng Lâm**

